TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-11-2023
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Nguyễn Hữu Nhàn

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AnNhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1851/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đươngsự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

* *Bị đơn*: Bà Lê Thị D, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Ông H, bà D cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày*: Ông và bà Lê Thị D quen nhau qua mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, từ sau năm 2000 đến nay cả hai cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng ông sống chung với mẹ vợ tại khu vực T, phường N. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ tính tình vợ chồng không hợp, do tính chất công việc làm nghề tài xế

nên ông ít khi ở nhà nhưng bà D không chấp nhận nên vợ chồng thường hay kình cãi mâu thuẫn nhau. Từ năm 2003 thì ông về nhà mẹ ruột ở phường B, thành phố Q ở hẳn cho đến nay, vợ chồng cắt đứt hoàn toàn liên lạc, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Thời gian gần đây ông mới liên lạc lại với bà D để bàn về vấn đề ly hôn thì bà D đồng ý. Ông xác định không còn tình cảm với bà D nên yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Văn T sinh ngày 05/9/2001 hiện đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn bà Lê Thị D trình bày*: Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Hữu H về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với mẹ ruột của bà tại khu vực T, phường N, thị xã A. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H làm tài xế xe đường dài ít khi về nhà, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con. Đến đầu năm 2002 thì ông H bỏ đi luôn không về nữa, từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt hoàn toàn liên lạc, không ai quan tâm đến ai, cả hai sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay. Bà xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và sống ly thân đã lâu nên thống nhất ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Văn T sinh ngày 05/9/2001 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 5, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D là vợ chồng.

2- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Văn T sinh ngày 05/9/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên miễn xét.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và bị đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D cùng xác định cả hai tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Mặc dù ông H, bà D có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…". Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D cùng xác định có 01 người con tên Nguyễn Thị Văn T sinh ngày 05/9/2001 đã trưởng thành, ông H và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001958 ngày 10.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D có 01 người con tên Nguyễn Thị Văn T sinh ngày 05/9/2001 đã trưởng thành, ông H và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001958 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ